

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 07/2020/DS-PT

Ngày: 22/4/2020

V/v: “*Tranh chấp thừa kế theo pháp luật và vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hưng Dũng.

Các Thẩm phán: Ông Hàng Lâm Viên

Bà Trần Thị Diệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Mai Như Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận: Bà Huỳnh Thị Hồng Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 52/2019/TLPT-DS ngày 23 tháng 12 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp về thừa kế theo pháp luật*” và “*Tranh chấp vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 28/2019/DS-ST ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 24/2020/QĐPT-DS ngày 16 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị C, sinh năm: 1945

Nơi đăng ký hộ khẩu: 124/13 đường T, Phường 9, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Võ Thị Diễm T, sinh năm: 1980 – Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Lê Võ Hạ A1, sinh ngày 03/6/2007 – Có mặt.

- Cháu Lê Võ Hồng A2, sinh ngày 02/12/2015 – Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Võ Thị Diễm T, sinh năm: 1980 – mẹ ruột của cháu A1 và cháu A2.

4. Người kháng cáo: Bị đơn chị Võ Thị Diễm T kháng cáo theo đơn kháng cáo ngày 06/11/2019.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị C trình bày:

Khoảng năm 1979, bà với ông Lê Văn Đ chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn và có con chung là anh Lê Văn H. Ông Đ đã bỏ đi biệt tích từ năm 1980 đến nay, bà cho biết ông Đ đã chết nhưng không có giấy chứng tử. Năm 2006, anh H kết hôn với chị Võ Thị Diễm T, có hai con chung là cháu Lê Võ Hạ A1, sinh ngày 03/6/2007 và cháu Lê Võ Hồng A2, sinh ngày 02/12/2015. Anh H không có cha mẹ nuôi hay con nuôi.

Năm 2014, bà bán căn nhà ở Thành phố Hồ Chí Minh và cho vợ chồng anh H chị T số tiền 200.000.000 đồng để mua nhà tại Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận, để bà ra ở cùng vợ chồng anh H. Sau đó, anh H chị T mua căn nhà cấp 4, diện tích 70m² gắn liền 140.7m² đất thuộc thửa đất 137, tờ bản đồ địa chính 45.4 tọa lạc tại Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận của bà Lê Thị Anh V. Năm 2018, anh H chết không để lại di chúc, hiện chị T cùng cháu A1 và cháu A2 đang sinh sống tại ngôi nhà này. Tuy bà C giao tiền cho chị T nhưng mẹ ruột của chị T là bà Nguyễn Thị H2 lấy tiền này mua nhà và làm giấy tờ tên bà H2 vì anh H chị T không có hộ khẩu ở xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Sau đó bà H2 cùng chồng là ông Võ Hồng K làm hợp đồng tặng cho lại căn nhà này cho vợ chồng chị T.

Bà đồng ý kết quả thẩm định và định giá tài sản ngày 15/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện N, tổng giá trị tài sản (nhà và đất và tài sản có trên đất) là 400.000.000 đồng.

Ngoài ra, bà cho biết trong năm 2014, bà cho vợ chồng chị T vay số tiền 100.000.000 đồng, không tính lãi suất, khi vay không viết giấy tờ, không ai chứng kiến. Chị T nói vay vì cần sửa nhà. Đến nay chị T vẫn chưa trả số tiền vay trên.

Bà yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Buộc chị Võ Thị Diễm T phải trả cho bà 100.000.000 đồng tiền vay, không tính lãi suất;

- Phân chia di sản thừa kế cho bà đối với phần tài sản của anh H để lại là ½ giá trị căn nhà cấp 4 diện tích 70m² gắn liền 140.7m² đất thuộc thửa đất 137, tờ bản đồ địa chính 45.4 tọa lạc tại Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Bà đề nghị nhận giá trị phần thừa kế bằng tiền.

- Về chi phí tố tụng: Bà đề nghị chị T phải hoàn lại cho bà ½ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Bị đơn chị Võ Thị Diễm T trình bày:

- Căn nhà cấp 4 diện tích 70m² gắn liền 140.7m² đất thuộc thửa đất 137, tờ bản đồ địa chính 45.4 tọa lạc tại Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận mà chị đang sinh sống là tài sản của cha mẹ ruột chị là bà Nguyễn Thị H2 và ông Võ Hồng Kiên tặng cho vợ chồng chị, việc tặng cho có lập văn bản, có công chứng, chứng thực, hiện nhà và đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA 548044 do UBND huyện N cấp ngày 10/11/2015 cho vợ chồng chị.

- Đối với số tiền 100.000.000 đồng bà C cho rằng cho vợ chồng chị vay thì chị không đồng ý trả vì số tiền này chị không vay mà do anh H vay của bà C (chị biết sự việc vì nghe anh H kể lại), anh H vay để làm gì thì chị không biết, khi vay không viết giấy tờ, cũng không có ai chứng kiến. Quá trình giải quyết, chị yêu cầu những người được thừa kế di sản của anh H để lại cũng phải có nghĩa vụ trả nợ cho anh H tương ứng với kỷ phần được nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Lê Võ Hạ A1 và Lê Võ Hồng A2 cùng trình bày:

Cha các cháu là Lê Văn H và mẹ là Võ Thị Diễm T. Hiện các cháu đang sinh sống cùng mẹ Thủy tại căn nhà cấp 4 diện tích 70m² gắn liền 140.7m² đất thuộc thửa đất 137, tờ bản đồ địa chính 45.4 tọa lạc tại Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Nay cha các cháu chết không để lại di chúc và các cháu chưa đủ 18 tuổi nên đối với phần tài sản thừa kế các cháu được nhận xin giao cho mẹ Võ Thị Diễm T quản lý đến khi các cháu đủ 18 tuổi và được thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 28/2019/DS-ST ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận đã quyết định:

Căn cứ khoản 3, khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 165, 271, 273 và 483 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 21, 52, 59, 280, 357, 463, 466, 468, khoản 1 Điều 469, các Điều 611, 613, 614, 623, 650 và 651 Bộ luật dân sự;

Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị C.

1. Buộc bị đơn chị Võ Thị Diễm T phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị C 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) tiền vay.

2. Chị Võ Thị Diễm T được quyền sử dụng đất, quyền sở hữu căn nhà cấp 4 diện tích 70m² gắn liền 140.7m² đất thuộc thửa đất 137, tờ bản đồ địa chính 45.4 tọa lạc tại Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận đã được UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA 548044 ngày 10/11/2015 cho anh Lê Văn H và chị Võ Thị Diễm T.

Hiện nay Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất do bà Lê Thị C đang cất giữ buộc bà phải giao lại cho chị Võ Thị Diễm T (*Kèm trích lục đo đạc chính lý bản đồ địa chính ngày 22/7/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận – chi nhánh Ninh Sơn*).

3. Chị Võ Thị Diễm T có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Lê Thị C 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) tiền kỷ phần thừa kế bà C được nhận.

4. Về án phí:

Bà Lê Thị C là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Chị Võ Thị Diễm T phải chịu 22.500.000đ án phí DSST.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/11/2019, bị đơn chị Võ Thị Diễm T có đơn kháng cáo với nội dung:

- Buộc bà C phải cùng thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay anh H tương xứng với kỷ phần mà bà được hưởng thừa kế của anh H.

- Xem xét lại cách tính án phí và miễn, giảm án phí cho chị Võ Thị Diễm T và miễn án phí phần 02 người con của chị được hưởng thừa kế, do điều kiện kinh tế của chị khó khăn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng theo quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án tuân thủ đúng theo quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn, sửa án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng vẫn tiến hành xét xử vắng mặt

nguyên đơn. Bị đơn chị Võ Thị Diễm T làm đơn kháng cáo trong hạn luật định nên được xem xét.

[2] Về kháng cáo của chị Võ Thị Diễm T:

[2.1] Xét yêu cầu kháng cáo buộc bà C phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay anh H tương xứng với kỷ phần mà bà được hưởng thừa kế. Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Lê Văn H chết ngày 30/5/2018, không để lại di chúc. Cha ruột của anh H là ông Lê Văn Đ theo lời khai của bà C hiện đã chết, không thể xác minh. Ngoài ra, anh H không có cha mẹ nuôi hay con nuôi. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự xác định những người được hưởng di sản thừa kế của anh Lê Văn H gồm 04 người là bà Lê Thị C (mẹ ruột), chị Võ Thị Diễm T (vợ anh H), cháu Lê Võ Hạ A1 và cháu Lê Võ Hồng A2 (các con ruột của anh H). Phần di sản của anh H để lại là 200.000.000 triệu đồng, trích từ phần tài sản chung của vợ chồng anh được phân chia thành 04 phần gồm bà C, chị T, cháu A1 và cháu A2, cụ thể mỗi người được nhận giá trị kỷ phần là 50.000.000 đồng (Cách tính: $200.000.000 \text{ đồng} : 4 = 50.000.000 \text{ đồng}$).

Song vợ chồng anh H chị T có vay của bà C 100.000.000 đồng là khoản vay trong thời kỳ hôn nhân nên theo Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình, anh H và chị T phải chịu trách nhiệm liên đới đối với khoản vay này. Như vậy, anh H và chị T mỗi người có nghĩa vụ trả cho bà C 50.000.000 đồng. Khoản 1 Điều 615 Bộ luật dân sự quy định: *“Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại”*, do đó những người được nhận di sản thừa kế của anh H phải đồng thời chịu nghĩa vụ trả nợ của anh H để lại. Vì vậy, buộc bà Lê Thị C, chị Võ Thị Diễm T, cháu Lê Võ Hạ A1 và cháu Lê Võ Hồng A2 cùng phải có trách nhiệm trả nợ cho bà Lê Thị C. Cụ thể, số tiền mỗi người phải trả là 12.500.000 đồng (Cách tính: $50.000.000 \text{ đồng} : 4 = 12.500.000 \text{ đồng}$).

Do cháu A1 và cháu A2 chưa thành niên nên kỷ phần của hai cháu sẽ tạm giao cho chị T là người đại diện theo pháp luật của hai cháu quản lý, sau này hai cháu đủ 18 tuổi chị T có nghĩa vụ giao lại. Đồng thời, chị T sẽ đại diện hai cháu chịu nghĩa vụ tài sản do anh H để lại. Vậy, chị T phải hoàn trả cho bà C số tiền 37.500.000 đồng đối với nghĩa vụ về tài sản của anh H để lại [Cách tính: $12.500.000 \text{ đồng} * 3 \text{ (kỷ phần thừa kế của chị và hai con)} = 37.500.000 \text{ đồng}$].

Bà C, chị T, cháu A1 và cháu A2 mỗi người được nhận thừa kế 37.500.000 đồng (Cách tính: $50.000.000 \text{ đồng} - 12.500.000 \text{ đồng} = 37.500.000 \text{ đồng}$).

Sau khi cân trừ nghĩa vụ, chị T phải hoàn trả cho bà C tổng số tiền là 125.000.000đ (gồm 50.000.000 đồng tiền vay bà C, 37.500.000 đồng kỷ phần thừa kế bà C được nhận; 37.500.000 đồng nghĩa vụ trả nợ do anh H để lại).

[3] Về án phí

[3.1] Xét yêu cầu kháng cáo của chị T về án phí, nhận thấy: Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị T phải chịu án phí phần tài sản của chị được phân chia từ tài sản chung của vợ chồng là không đúng. Bởi vì trong vụ án này xác định yêu cầu

phân chia thừa kế phần di sản của anh H để lại thì các đương sự chỉ chịu án phí đối với kỷ phần được hưởng. Riêng phần tài sản của chị T được phân định từ tài sản chung của vợ chồng, chị T không yêu cầu giải quyết nên chị không phải chịu án phí phần này.

Ngày 05/11/2019, chị Võ Thị Diễm T có đơn xin giảm tiền án phí với lý do có hai con nhỏ, thu nhập hàng tháng được 3.000.000 đồng không đủ nuôi con và trang trải cuộc sống, đơn có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã nơi chị thường trú. Như vậy, có căn cứ để giảm 50% mức án phí cho chị T theo Điều 13 của Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016.

Theo quy định tại Điều 1 Luật trẻ em năm 2016 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, cháu Lê Võ Hạ A1, sinh năm 2007 (12 tuổi) và cháu Lê Võ Hạ A1h, sinh năm 2015 (04 tuổi) là trẻ em nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Từ những lập luận như trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn, cũng như ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Do kháng cáo của chị Võ Thị Diễm T được chấp nhận nên chị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho chị T số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0019911 ngày 06/11/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Ngoài ra tại quyết định bản án sơ thẩm tuyên “Chị T được quyền sở hữu căn nhà cấp 4, diện tích 170m² gắn liền 140.7m² đất...” là không chính xác. Vì tại giấy chứng nhận QSD đất cấp cho vợ chồng chị T ngày 10/11/2015 chỉ thể hiện cấp quyền sử dụng đất ở là 140.7m², chưa chứng nhận quyền sở hữu nhà. Vì vậy cần điều chỉnh lại cách tuyên cho phù hợp.

[3.2] Chị Võ Thị Diễm T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm gồm:

+ Đối với số tiền vay 50.000.000 đồng cá nhân chị T phải trả cho bà C là 2.500.000 đồng (Cách tính: 50.000.000 đồng * 5% = 2.500.000 đồng);

+ Đối với số tiền 37.500.000 đồng kỷ phần chị được hưởng là 1.875.000 đồng (Cách tính: 37.500.000 đồng * 5% = 1.875.000 đồng);

+ Đối với số tiền 12.500.000 đồng về nghĩa vụ tài sản do anh H để lại là 625.000 đồng (Cách tính: 12.500.000 đồng * 5% = 625.000 đồng).

Tổng cộng, số tiền án phí sơ thẩm chị Võ Thị Diễm T phải chịu là 2.500.000 đồng [Cách tính: (2.500.000 đồng + 1.875.000 đồng + 625.000 đồng) * 50% = 2.500.000 đồng].

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm số 28/2019/DS-ST ngày 24/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện N.

Căn cứ vào khoản 3, khoản 5 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 38; các Điều 147, 148, 165, khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 463, 466, 609, 649, 614, 615 và 651 Bộ luật dân sự; Điều 27 và Điều 73 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009; Điều 1 Luật trẻ em năm 2016; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, khoản 7 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị C.

1/ Buộc bị đơn chị Võ Thị Diễm T có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị C tổng số tiền 125.000.000 đồng (gồm 50.000.000 đồng tiền vay bà C, 37.500.000 đồng kỷ phần thừa kế bà C được nhận, 37.500.000 đồng nghĩa vụ trả nợ do anh H để lại).

2/ Chị Võ Thị Diễm T được quyền sử dụng thửa đất số 137, tờ bản đồ số 45.4 với diện tích đất ở là 140.7m² và tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 4, diện tích 70m² tọa lạc tại Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Buộc bà Lê Thị C giao lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 548044 ngày 10/11/2015 mà Ủy ban nhân dân huyện N đã cấp cho anh Lê Văn H và chị Võ Thị Diễm T cho chị T.

Chị Võ Thị Diễm T có trách nhiệm đi đăng ký biến động đất tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

(Kèm trích lục đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính ngày 22/7/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận – chi nhánh Ninh Sơn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 bộ luật dân sự năm 2015.

3/ Về án phí:

- Chị Võ Thị Diễm T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho chị T số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà chị T đã nộp theo biên lai số 0019911 ngày 06/11/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

- Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lê Thị C do bà C là người cao tuổi.

- Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho hai cháu Lê Võ Hạ A1 và Lê Võ Hồng A2.

- Chị Võ Thị Diễm T phải chịu 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Về chi phí tố tụng:

Chị T phải có nghĩa vụ hoàn lại cho bà C 2.003.000 đồng (hai triệu không trăm lẻ ba nghìn đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện N;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và THA;
- Phòng HCTP;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hưng Dũng